

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-38



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 06 năm 2024
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: 310325.049/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, nếu Công ty thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao theo quy định thì trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2024, chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 4,97 tỷ đồng và 5,024 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và năm 2024 của Công ty, chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 0,12 tỷ đồng và 0,05 tỷ đồng, chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi số tiền lần lượt tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của công ty đại chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 34 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Công ty phải đưa cổ phiếu vào niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 6, Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Công ty phải phê duyệt và công khai các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan của Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2025-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		359.994.356.419	367.205.836.094
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	42.988.944.434	48.016.038.389
111	1. Tiền		42.988.944.434	48.016.038.389
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		226.113.927.864	228.027.089.453
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	140.140.870.199	161.541.349.272
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	76.281.433.125	46.106.904.421
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.877.192.547	22.564.403.767
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.185.568.007)	(2.185.568.007)
140	IV. Hàng tồn kho	8	77.303.081.101	75.438.826.260
141	1. Hàng tồn kho		77.303.081.101	75.438.826.260
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.588.403.020	15.723.881.992
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		13.588.403.020	15.723.881.983
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	9
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		285.393.996.657	307.850.451.416
220	II. Tài sản cố định		269.061.230.537	290.569.452.131
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	257.301.106.541	277.507.615.079
222	- Nguyên giá		565.083.942.143	562.547.383.576
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(307.782.835.602)	(285.039.768.497)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	11.712.171.618	13.003.027.530
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.650.667.298)	(6.359.811.386)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	47.952.378	58.809.522
228	- Nguyên giá		317.650.000	317.650.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(269.697.622)	(258.840.478)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.805.384.787	16.030.461.197
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	14.805.384.787	16.030.461.197
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.527.381.333	1.250.538.088
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.527.381.333	1.250.538.088
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		645.388.353.076	675.056.287.510

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		416.723.943.908	449.067.024.135
310	I. Nợ ngắn hạn		325.762.518.540	346.574.360.821
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	107.238.379.288	121.181.356.033
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	5.517.947.470	610.983.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.294.442.519	5.725.825.128
314	4. Phải trả người lao động		26.267.759.238	15.920.846.842
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	27.777.673.655	18.341.921.818
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.370.524.799	10.023.156.311
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	142.808.005.517	172.691.445.415
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.487.786.054	2.078.825.934
330	II. Nợ dài hạn		90.961.425.368	102.492.663.314
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	90.961.425.368	102.492.663.314
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		228.664.409.168	225.989.263.375
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	228.664.409.168	225.989.263.375
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		122.295.340.000	122.295.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		61.771.038.257	60.780.113.253
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.286.549.993	13.602.329.204
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		15.286.549.993	13.602.329.204
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		645.388.353.076	675.056.287.510

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

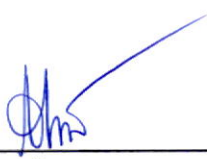
Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

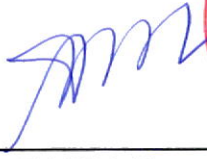
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	782.863.020.166	787.060.591.533
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	755.860.749	807.499.857
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		782.107.159.417	786.253.091.676
11	4. Giá vốn hàng bán	24	654.698.453.359	660.843.421.687
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.408.706.058	125.409.669.989
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	395.529.182	235.783.648
22	7. Chi phí tài chính	26	19.127.370.851	20.190.385.891
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>18.170.423.163</i>	<i>19.292.646.277</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	59.848.001.613	53.933.924.878
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	29.599.244.845	34.198.517.125
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.229.617.931	17.322.625.743
31	11. Thu nhập khác	29	250.680.597	185.798.816
32	12. Chi phí khác	30	210.797.660	335.732.656
40	13. Lợi nhuận khác		39.882.937	(149.933.840)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.269.500.868	17.172.691.903
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.982.950.875	3.570.362.699
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>15.286.549.993</u>	<u>13.602.329.204</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.250	1.001


Nguyễn Thùy Linh
Người lập


Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		812.949.515.433	759.137.362.645
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(664.001.117.598)	(627.606.203.231)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(58.851.969.488)	(56.013.403.321)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(11.665.315.046)	(17.368.653.100)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.007.844.825)	(4.526.739.507)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		22.677.628.359	9.417.597.105
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.680.683.612)	(31.023.857.721)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>54.420.213.223</i>	<i>32.016.102.870</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.131.636.357)	(7.253.390.426)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		15.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.075.305	39.852.538
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(3.087.561.052)</i>	<i>(7.213.537.888)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		339.601.572.980	362.049.612.489
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(388.736.377.944)	(368.323.380.574)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(1.141.350.479)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.303.214.500)	(5.721.569.104)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(56.438.019.464)</i>	<i>(13.136.687.668)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(5.105.367.293)</i>	<i>11.665.877.314</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		48.016.038.389	36.316.770.401
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		78.273.338	33.390.674
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>42.988.944.434</u>	<u>48.016.038.389</u>

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09 tháng 02 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 373 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 385 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I	Hung Yên	Sản xuất thực phẩm
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II	Nghệ An	Sản xuất thực phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 07 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.770.023.369	6.875.833.031
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.218.921.065	41.140.205.358
	<u>42.988.944.434</u>	<u>48.016.038.389</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>67.350.487.725</i>	-	<i>88.879.014.862</i>	-
Tổng Công ty	738.557.552	-	738.557.552	-
Mía đường I - Công ty Cổ phần				
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần	16.631.808.914	-	16.359.219.259	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	46.611.760.875	-	64.924.500.094	-
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	3.368.360.384	-	6.856.737.957	-
<i>Bên khác</i>	<i>72.790.382.474</i>	<i>(2.185.568.007)</i>	<i>72.662.334.410</i>	<i>(2.185.568.007)</i>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	8.405.878.524	-	8.395.393.364	-
Đại lý Hoàng Thị Hiên	4.697.585.851	-	4.026.994.468	-
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	7.712.978.734	-	3.752.071.036	-
Phải thu khách hàng khác	51.973.939.365	(2.185.568.007)	56.487.875.542	(2.185.568.007)
	<u>140.140.870.199</u>	<u>(2.185.568.007)</u>	<u>161.541.349.272</u>	<u>(2.185.568.007)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	72.759.850.362	-	42.475.089.612	-
Tổng Công ty	58.146.148.430	-	21.294.003.760	-
Mía đường I - Công ty Cổ phần	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Mía đường Sơn Dương	12.613.701.932	-	19.181.085.852	-
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - CTCP				
<i>Bên khác</i>	3.521.582.763	-	3.631.814.809	-
Đối tượng khác	3.521.582.763	-	3.631.814.809	-
	76.281.433.125	-	46.106.904.421	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Tạm ứng	11.796.409.245	-	22.416.528.274	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	133.335.000	-
Phải thu khác	80.783.302	-	14.540.493	-
	11.877.192.547	-	22.564.403.767	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Ông Ngô Văn Phương	812.744.000	-	4.812.744.000	-
Bà Nguyễn Hồng Phương	2.936.263.804	-	6.825.262.508	-
Bà Nguyễn Hồng Anh	2.430.323.915	-	5.570.750.000	-
Bà Nguyễn Thu Phương	4.300.000.000	-	4.300.500.000	-
Đối tượng khác	1.397.860.828	-	1.055.147.259	-
	11.877.192.547	-	22.564.403.767	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Bà Nguyễn Hồng Phương	2.936.263.804	-	6.825.262.508	-
Bà Nguyễn Hồng Anh	2.430.323.915	-	5.570.750.000	-
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền	15.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Phú Cường	11.064.000	-	-	-
	5.392.651.719	-	12.396.012.508	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Nhà phân phối Hoàng Mai	502.826.814	100.565.363	502.826.814	100.565.363
- Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Trường Thịnh	407.030.760	-	407.030.760	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Minh Phát	449.838.090	-	449.838.090	-
- Công ty TNHH Suất ăn công nghiệp Anh Đạt	499.664.440	-	499.664.440	-
- Các khoản khác	426.773.266	-	426.773.266	-
	2.286.133.370	100.565.363	2.286.133.370	100.565.363

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	58.049.909.032	-	56.586.670.519	-
Công cụ, dụng cụ	3.356.066.556	-	2.723.140.369	-
Thành phẩm	13.754.080.263	-	15.398.162.514	-
Hàng hoá	2.143.025.250	-	730.852.858	-
	77.303.081.101	-	75.438.826.260	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi ⁽¹⁾	281.583.986	216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai ⁽²⁾	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án đầu tư dây chuyền bánh Bakery	-	1.289.735.669
	<u><u>14.805.384.787</u></u>	<u><u>16.030.461.197</u></u>

(1) Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi:

Trong năm 2018, Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 248/HĐHTĐT ngày 10 tháng 5 năm 2018 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Pidenza Việt Nam ("Pidenza") liên quan đến việc triển khai dự án "Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng" trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Pidenza toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Pidenza tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Pidenza được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt gia hạn thời gian sử dụng đất, Công ty tiếp tục thực hiện gia hạn chủ trương đầu tư và làm các thủ tục để gia hạn thời gian sử dụng đất đối với lô đất này.

(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12,34 tỷ đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và tiếp tục gia hạn chủ trương đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	218.022.363.373	323.922.571.436	19.378.218.413	1.224.230.354	562.547.383.576
- Mua trong năm	-	2.826.629.918	231.481.481	-	3.058.111.399
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.221.078.958	-	-	1.221.078.958
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.742.631.790)	-	(1.742.631.790)
Số dư cuối năm	218.022.363.373	327.970.280.312	17.867.068.104	1.224.230.354	565.083.942.143
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	87.860.353.679	183.426.870.458	12.535.514.006	1.217.030.354	285.039.768.497
- Khấu hao trong năm	7.537.007.376	15.606.858.812	1.334.632.707	7.200.000	24.485.698.895
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.742.631.790)	-	(1.742.631.790)
Số dư cuối năm	95.397.361.055	199.033.729.270	12.127.514.923	1.224.230.354	307.782.835.602
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	130.162.009.694	140.495.700.978	6.842.704.407	7.200.000	277.507.615.079
Tại ngày cuối năm	122.625.002.318	128.936.551.042	5.739.553.181	-	257.301.106.541

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 76.120.700.987 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 268.949.632.111 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại Nhà máy Hải Châu I ở Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 19.362.838.916 đồng và 7.650.667.343 đồng. Khấu hao trong năm 2024 là 1.290.855.928 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 317.650.000 đồng và 269.697.622 đồng. Khấu hao trong năm 2024 là 10.857.144 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn, cải tạo tài sản cố định	93.508.333	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.433.873.000	1.250.538.088
	<u>1.527.381.333</u>	<u>1.250.538.088</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	44.428.081.485	44.428.081.485	39.105.947.883	39.105.947.883
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	34.586.109.931	34.586.109.931	32.980.972.635	32.980.972.635
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần	8.855.345.250	8.855.345.250	5.059.472.650	5.059.472.650
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	986.626.304	986.626.304	1.065.502.598	1.065.502.598
<i>Bên khác</i>	62.810.297.803	62.810.297.803	82.075.408.150	82.075.408.150
Công ty TNHH Văn Chương	2.811.855.376	2.811.855.376	5.637.753.304	5.637.753.304
Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Hồng Dương	6.289.405.776	6.289.405.776	11.245.833.776	11.245.833.776
Công ty TNHH Phát Đại Lợi	3.108.800.000	3.108.800.000	11.861.820.000	11.861.820.000
Phải trả nhà cung cấp khác	50.600.236.651	50.600.236.651	53.330.001.070	53.330.001.070
	<u>107.238.379.288</u>	<u>107.238.379.288</u>	<u>121.181.356.033</u>	<u>121.181.356.033</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên khác</i>	5.517.947.470	610.983.340
- Công ty TNHH Đức Lộc	700.400.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.899.832.519	-
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Thành Công Miền Bắc	1.330.000.002	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại KĐ Catering	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH Oanh Sơn	17.909.278	64.340.314
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.469.805.671	446.643.026
	<u>5.517.947.470</u>	<u>610.983.340</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.675.161.712	18.110.821.701	18.647.180.999	-	3.138.802.414
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	162.151.027	162.151.027	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9	1.984.841.484	3.982.950.875	2.007.844.825	-	3.959.947.525
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.821.932	985.739.369	855.868.721	-	195.692.580
Thuế tài nguyên	-	-	1.374.300	1.374.300	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.961.906.412	4.961.906.412	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	9	5.725.825.128	28.209.943.684	26.641.326.284	-	7.294.442.519

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	11.587.581.729	5.156.412.066
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	13.496.068.476	11.256.823.785
- Chi phí vận chuyển	2.544.023.450	1.669.417.023
- Chi phí phải trả khác	150.000.000	259.268.944
	<u>27.777.673.655</u>	<u>18.341.921.818</u>

Trong đó: Chi phí phải trả đối với các bên liên quan

- Chi phí lãi vay	11.412.025.920	4.933.608.837
	<u>11.412.025.920</u>	<u>4.933.608.837</u>

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	841.058.834	779.514.232
- Bảo hiểm xã hội	1.509.984	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	415.249.045	4.187.419.385
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.107.706.936	2.051.222.694
	<u>6.370.524.799</u>	<u>10.023.156.311</u>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

(*) Khoản tiền còn lại liên quan đến hợp đồng hợp tác của dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi, chi tiết tại Thuyết minh số 9 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	162.117.445.415	162.117.445.415	339.601.572.980	365.652.062.054	136.066.956.341	136.066.956.341
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	106.114.995.709	106.114.995.709	230.561.827.078	250.551.364.686	86.125.458.101	86.125.458.101
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	50.000.000.000	50.000.000.000	109.039.745.902	109.098.247.662	49.941.498.240	49.941.498.240
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Long Biên	6.002.449.706	6.002.449.706	-	6.002.449.706	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.574.000.000	10.574.000.000	6.719.628.636	10.552.579.460	6.741.049.176	6.741.049.176
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.460.000.000	10.460.000.000	6.648.000.000	10.460.000.000	6.648.000.000	6.648.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	114.000.000	114.000.000	71.628.636	92.579.460	93.049.176	93.049.176
	172.691.445.415	172.691.445.415	346.321.201.616	376.204.641.514	142.808.005.517	142.808.005.517

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	37.229.035.149	37.229.035.149	-	13.102.403.586	24.126.631.563	24.126.631.563
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	237.287.738	237.287.738	-	92.579.460	144.708.278	144.708.278
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	21.167.511.336	21.167.511.336	7.720.127.120	-	28.887.638.456	28.887.638.456
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	26.457.012.830	26.457.012.830	-	-	26.457.012.830	26.457.012.830
- Vay cá nhân	27.975.816.261	27.975.816.261	-	9.889.332.844	18.086.483.417	18.086.483.417
	113.066.663.314	113.066.663.314	7.720.127.120	23.084.315.890	97.702.474.544	97.702.474.544
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(10.574.000.000)	(10.574.000.000)	(6.719.628.636)	(10.552.579.460)	(6.741.049.176)	(6.741.049.176)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	102.492.663.314	102.492.663.314			90.961.425.368	90.961.425.368

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	28.887.638.456	21.167.511.336
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	26.457.012.830	26.457.012.830
- Ông Nguyễn Văn Hội	8.447.833.759	8.447.833.759
- Bà Cao Thị Hồng Liên	5.808.078.658	5.808.078.658
- Ông Cao Chiến Thắng	3.830.571.000	3.830.571.000
- Bà Nguyễn Hồng Anh	-	5.000.000.000
- Ông Bùi Hải Hà	-	4.889.332.844
	73.431.134.703	75.600.340.427

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/144344/HĐTĐ ngày 01 tháng 08 năm 2024	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	86.125.458.101	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng tín dụng số 230796.24.065.29907.TD ngày 01 tháng 08 năm 2024	130.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm, gia vị, bánh kẹo và sản phẩm khác từ bột của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 03/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	49.941.498.240	Tài sản bảo đảm
	Tổng cộng					136.066.956.341	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2024 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					24.271.339.841	6.741.049.176	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					24.126.631.563	6.648.000.000	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	24.126.631.563	6.648.000.000	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm					144.708.278	93.049.176	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe oto TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm	144.708.278	93.049.176	Tài sản bảo đảm
II	Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần					28.887.638.456	-	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I ngày 24/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 24/12/2018	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	5.386.135.200	-	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 773/2019/HC-SUGAR I ngày 31/12/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2019	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	5.386.135.200	-	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 731/2020/HC-SUGAR I ngày 25/12/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/12/2020	4.488.446.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	4.488.446.000	-	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 10/10/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	2.693.067.600	-	Tín chấp
5	Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-SUGAR I ngày 01/8/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/08/2022	3.213.727.336	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	8,5%/năm	3.213.727.336	-	Tín chấp
6	Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/2024/HC-SUGARI ngày 02/01/2024	3.590.756.800	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	7,5%/năm	3.590.756.800	-	Tín chấp
7	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2024/HC-SUGARI ngày 01/08/2024	4.129.370.320	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	7,5%/năm	4.129.370.320	-	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2024 (VND)	Hình thức bảo đảm tiền vay
III	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần					26.457.012.830	-	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I ngày 31/12/2019 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2019	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng và tự động gia hạn	0%	6.200.000.000	-	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng và tự động gia hạn	0%	13.399.360.930	-	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 07/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng và tự động gia hạn	0%	4.272.651.900	-	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-VVKD ngày 31/03/2022 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 31/03/2022	2.585.000.000	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Nghệ An	24 tháng và tự động gia hạn	0%	2.585.000.000	-	Tín chấp
IV	Các khoản vay cá nhân					18.086.483.417	-	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	18.086.483.417	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng và tự động gia hạn	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	18.086.483.417	-	Tín chấp

(*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	11.574.227.033	223.282.984.074
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.602.329.204	13.602.329.204
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	678.177.130	(11.574.227.033)	(10.896.049.903)
Số dư cuối năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.780.113.253	13.602.329.204	225.989.263.375
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.780.113.253	13.602.329.204	225.989.263.375
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	15.286.549.993	15.286.549.993
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	990.925.004	(13.602.329.204)	(12.611.404.200)
Số dư cuối năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	61.771.038.257	15.286.549.993	228.664.409.168

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 273/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	13.602.329.204
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7,28	990.925.004
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00	1.360.232.920
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	82,72	11.251.171.280

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	36,70	44.884.460.000	36,70	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42	18.855.930.000	15,42	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	13,08	15.993.650.000	13,08	15.993.650.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99	8.550.000.000	6,99	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	0,00	-	18,17	22.222.220.000
Bà Nguyễn Hồng Phương	18,17	22.222.220.000	0,00	-
Các cổ đông khác	9,64	11.789.080.000	9,64	11.789.080.000
	100	122.295.340.000	100	122.295.340.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	122.295.340.000	122.295.340.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	122.295.340.000	122.295.340.000
Cổ tức:		
- <i>Cổ tức phải trả đầu năm</i>	4.187.419.385	125.361.289
- <i>Cổ tức phải trả trong năm</i>	11.251.171.280	9.783.627.200
+ <i>Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước</i>	11.251.171.280	9.783.627.200
- <i>Cổ tức đã chi trả bằng tiền</i>	(7.303.214.500)	(5.721.569.104)
+ <i>Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(7.303.214.500)	(5.721.569.104)
- <i>Cổ tức chuyển thành khoản vay</i>	(7.720.127.120)	-
- <i>Cổ tức còn phải trả cuối năm</i>	415.249.045	4.187.419.385

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.771.038.257	60.780.113.253
	61.771.038.257	60.780.113.253

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
- Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465	Đến năm 2029
- Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2064
- Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645	Đến năm 2057
- Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000	Đến năm 2069

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	45.944,77	15.017,72
- Đồng Euro (EUR)	1.809,55	2.144,68

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	776.787.029.014	775.791.320.198
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.075.991.152	11.269.271.335
	<u>782.863.020.166</u>	<u>787.060.591.533</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>61.135.926.594</u>	<u>62.960.120.460</u>

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	755.860.749	807.499.857
	<u>755.860.749</u>	<u>807.499.857</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	654.698.453.359	660.843.421.687
	<u>654.698.453.359</u>	<u>660.843.421.687</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)		
Tổng giá trị mua vào:	<u>263.423.603.871</u>	<u>286.100.218.613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.075.305	39.852.538
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	288.180.539	162.540.436
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	78.273.338	33.390.674
	395.529.182	235.783.648

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.170.423.163	19.292.646.277
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	956.947.688	897.739.614
	19.127.370.851	20.190.385.891
Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	7.591.246.730	1.961.226.389

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	810.131.906	916.502.110
Chi phí nhân công	15.921.258.243	15.403.359.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.381.611.260	2.385.032.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.175.398.353	11.796.127.275
Chi phí khác bằng tiền	27.559.601.851	23.432.903.958
	59.848.001.613	53.933.924.878

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.162.539	618.345.353
Chi phí nhân công	18.265.717.335	19.255.043.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.527.331.070	1.543.878.668
Thuế, phí, lệ phí	5.181.875.749	3.438.313.194
Chi phí dự phòng	-	2.185.568.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.155.285.649	2.440.853.093
Chi phí khác bằng tiền	2.111.872.503	4.716.515.097
	29.599.244.845	34.198.517.125

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.000.000	-
Tiền phạt thu được	11.682.500	10.872.548
Thu nhập khác	223.998.097	174.926.268
	250.680.597	185.798.816

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	192.440.279	-
Chi phí phân bổ dự án nhà máy tại Vĩnh Long	-	322.616.748
Chi phí khác	18.357.381	13.115.908
	210.797.660	335.732.656

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.269.500.868	17.172.691.903
Các khoản điều chỉnh tăng	608.510.097	456.839.464
- Chi phí không hợp lệ	192.440.279	205.861.525
- Chi phí khấu hao tài sản không được trừ	416.069.818	250.977.939
Các khoản điều chỉnh giảm	(78.273.338)	(33.390.674)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(78.273.338)	(33.390.674)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	19.799.737.627	17.596.140.693
Thuế nhà thầu	23.003.350	51.134.560
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.982.950.875	3.570.362.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.984.841.475	2.941.218.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.007.844.825)	(4.526.739.507)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	3.959.947.525	1.984.841.475

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.286.549.993	13.602.329.204
Các khoản điều chỉnh:	-	(1.360.232.920)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(1.360.232.920)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.286.549.993	12.242.096.284
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.250	1.001

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 273/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

	Năm 2023 (Số đã báo cáo)	Năm 2023 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.602.329.204	13.602.329.204
Các khoản điều chỉnh:	-	(1.360.232.920)
- <i>Quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(1.360.232.920)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.602.329.204	12.242.096.284
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.112</u>	<u>1.001</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	576.707.174.599	573.757.434.937
Chi phí nhân công	76.791.214.600	75.280.624.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.787.411.967	26.413.453.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.146.449.482	34.541.242.958
Chi phí khác bằng tiền	28.069.366.918	28.149.439.598
	<u>742.501.617.566</u>	<u>738.142.195.482</u>

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	41.218.921.065	-	-	41.218.921.065
Phải thu khách hàng, phải thu khác	149.832.494.739	-	-	149.832.494.739
	<u>191.051.415.804</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>191.051.415.804</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	41.140.205.358	-	-	41.140.205.358
Phải thu khách hàng, phải thu khác	181.920.185.032	-	-	181.920.185.032
	<u>223.060.390.390</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>223.060.390.390</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	142.808.005.517	90.961.425.368	-	233.769.430.885
Phải trả người bán, phải trả khác	113.608.904.087	-	-	113.608.904.087
Chi phí phải trả	27.777.673.655	-	-	27.777.673.655
	<u>284.194.583.259</u>	<u>90.961.425.368</u>	<u>-</u>	<u>375.156.008.627</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	172.691.445.415	102.492.663.314	-	275.184.108.729
Phải trả người bán, phải trả khác	131.204.512.344	-	-	131.204.512.344
Chi phí phải trả	18.341.921.818	-	-	18.341.921.818
	<u>322.237.879.577</u>	<u>102.492.663.314</u>	<u>-</u>	<u>424.730.542.891</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa)	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger Bà Cao Thị Hồng Liên	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Cao Chiến Thắng	Vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Em vợ Chủ tịch Hội đồng quản trị
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu	61.135.926.594	62.960.120.460
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	-	178.791.831
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	252.397.828	10.787.199.928
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	40.254.152.821	25.966.797.566
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	20.629.375.945	26.027.331.135
Mua hàng hóa, vật tư	263.423.603.871	286.100.218.613
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	135.450.287.461	162.518.418.013
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	76.189.252.809	71.385.805.865
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	51.784.063.601	52.195.994.735
Lãi vay	7.591.246.730	1.961.226.389
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	3.475.191.300	1.961.226.389
Bà Cao Thị Hồng Liên	963.431.336	-
Ông Cao Chiến Thắng	636.367.477	-
Ông Bùi Hải Hà	299.404.989	-
Bà Nguyễn Hồng Anh	813.424.658	-
Ông Nguyễn Văn Hội	1.403.426.970	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:	3.894.086.760	4.150.326.733
Ông Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	27.000.000	149.900.000
Bà Nguyễn Hồng Anh - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	570.000.000	635.800.000
Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	531.900.000	482.400.000
Ông Bùi Hải Hà - Phó Tổng Giám đốc	250.800.000	534.400.000
Bà Hà Hồng Thúy - Phó Tổng Giám đốc	486.000.000	478.400.000
Bà Nguyễn Hồng Phương - Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	394.400.000
Ông Đỗ Mạnh Cường - Phó Tổng Giám đốc	563.580.000	418.611.342
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc	582.806.760	554.015.391
Bà Nguyễn Thị Hải Tuyền - Phó Tổng Giám đốc	522.000.000	502.400.000
Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát	122.805.000	153.200.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thùy Linh
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025